

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

2546
ÔNG
TNI
EM
VA
7 PH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI

Số 170, Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Bùi Thị Minh Tâm
Bà Nguyễn Diệu Trinh
Bà Đỗ Thị Nga
Ông Nguyễn Việt Cường
Bà Nguyễn Thị Kim Loan
Bà Nguyễn Thị Thom

Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2023)
Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Tuân
Ông Bùi Hữu Việt

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Tuân - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI

Số 170, Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *Phạm Thị Tuấn*



Phạm Thị Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số: 158 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 24 - Phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại đó trình bày thông tin về việc Công ty đang tiếp tục làm việc với Cục thuế thành phố Hà Nội về các khoản ưu đãi thuế được hưởng đối với dự án Nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 19221000011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Phúc (sau này là thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2010. Công ty sẽ thực hiện các nghĩa vụ bổ sung (nếu có) sau khi nhận được quyết định cuối cùng của cơ quan thuế về vấn đề này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Việt Thiệu
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4244-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.365.975.234	65.280.789.118
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	40.471.368.730	16.198.181.176
1. Tiền	111		8.138.998.866	10.198.181.176
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.332.369.864	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.236.448.381	25.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	13.236.448.381	25.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.030.291.247	1.178.629.437
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	566.922.800	30.065.600
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	463.368.447	1.148.563.837
IV. Hàng tồn kho	140		24.601.855.398	22.876.625.505
1. Hàng tồn kho	141	8	24.601.855.398	22.878.440.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	8	-	(1.814.512)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.011.478	27.353.000
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.496.728	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	20.514.750	27.353.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.174.709.310	22.741.899.950
I. Tài sản cố định	220		19.174.709.310	22.741.899.950
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	16.237.586.992	19.709.396.940
- Nguyên giá	222		61.019.964.988	60.979.624.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.782.377.996)	(41.270.228.048)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.937.122.318	3.032.503.010
- Nguyên giá	228		4.609.713.164	4.609.713.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.672.590.846)	(1.577.210.154)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		98.540.684.544	88.022.689.068

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		15.829.700.035	7.215.181.291
I. Nợ ngắn hạn	310		15.829.700.035	7.215.181.291
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.807.017.408	265.424.300
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	618.860.738	890.522.181
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	778.379.002	1.119.178.332
4. Phải trả người lao động	314		2.471.646.422	1.179.643.346
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	6.387.032.788	1.177.649.455
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	2.600.000.000	1.600.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.166.763.677	982.763.677
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		82.710.984.509	80.807.507.777
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	82.710.984.509	80.807.507.777
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		62.909.000.000	62.909.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		62.909.000.000	62.909.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.586.780.000	2.586.780.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.644.000.000	1.000.000.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.700.000.000	3.700.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	421		11.871.204.509	10.611.727.777
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.806.227.777	2.758.554.216
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		9.064.976.732	7.853.173.561
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		98.540.684.544	88.022.689.068



Phạm Thị Tuân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Ngô Hồng Minh
Kế toán trưởng

Ngô Hồng Minh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	89.968.716.872	88.835.481.026
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	89.968.716.872	88.835.481.026
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	18	56.179.991.397	56.928.187.267
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		33.788.725.475	31.907.293.759
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.944.890.452	1.227.822.203
7. Chi phí bán hàng	25	21	4.022.563.914	4.006.057.099
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	14.044.385.347	12.573.058.864
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 25 - 26}	30		19.666.666.666	16.555.999.999
10. Thu nhập khác	31		25.111.191	11.350.000
11. Chi phí khác	32		140.692	20.234.417
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		24.970.499	(8.884.417)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.691.637.165	16.547.115.582
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	4.335.760.433	3.661.222.021
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		15.355.876.732	12.885.893.561
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	2.441	2.048



Phạm Thị Tuan
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Ngô Hồng Minh
Kế toán trưởng

Ngô Hồng Minh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	101.156.130.406	89.036.897.065
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(51.882.095.953)	(48.445.050.679)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.592.592.345)	(15.036.192.558)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(4.398.021.814)	(4.206.591.727)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	35.025.790	21.550.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.550.360.594)	(3.766.174.874)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.768.085.490	17.604.437.227
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(549.229.450)	(2.832.270.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(68.236.448.381)	(25.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	80.000.000.000	25.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.570.624.745	1.217.397.546
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.784.946.914	(1.614.872.454)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.279.844.850)	(16.352.622.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.279.844.850)	(16.352.622.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	24.273.187.554	(363.057.877)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.198.181.176	16.561.239.053
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	40.471.368.730	16.198.181.176



Phạm Thị Tuân
Tổng Giám đốc

Ngô Hồng Minh
Kế toán trưởng

Ngô Hồng Minh
Người lập

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) thành lập theo Quyết định số 8103/QĐ-UB ngày 27 tháng 11 năm 2002 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Dược phẩm Hà Nội thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101337659 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2002 và được sửa đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 7 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 62.909.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 71 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 71 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe cho người;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Xuất khẩu dược liệu, tinh dầu, dược phẩm, nông lâm sản;
- Nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm, thuốc thực phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế;
- Cho thuê văn phòng làm việc và kho chứa hàng hóa, nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- May trang phục;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Sản xuất kinh doanh dược phẩm chức năng;
- Kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, phòng bệnh, phục vụ sức khỏe cho người.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể so sánh được với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, các loại tài sản và nợ phải trả được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo. Tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	01 - 44
Máy móc, thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	10 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê đất.

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi bù lỗ năm trước thì được phân phối cho các cổ đông, bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế, sau đó trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát,
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Mối quan hệ

Cổ đông lớn (Ảnh hưởng đáng kể)
Quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	23.076.000	102.052.632
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.115.922.866	10.096.128.544
Các khoản tương đương tiền (i)	32.332.369.864	6.000.000.000
Cộng	<u>40.471.368.730</u>	<u>16.198.181.176</u>

Ghi chú:

- (i) Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 01 - 03 tháng, lãi suất 3,40% - 4,05%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (i)	13.236.448.381	25.000.000.000
Cộng	<u>13.236.448.381</u>	<u>25.000.000.000</u>

Ghi chú:

- (i) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,10% - 7,20%/năm.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Thiết bị Máy móc Thiên An	562.922.800	-
Các đối tượng khác	4.000.000	30.065.600
Cộng	<u>566.922.800</u>	<u>30.065.600</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tạm ứng	29.500.000	24.500.000
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	433.868.447	1.059.602.740
Các khoản phải thu khác	-	64.461.097
Cộng	<u>463.368.447</u>	<u>1.148.563.837</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	56.667.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	16.985.944.465	-	8.997.259.407	(1.814.512)
Công cụ, dụng cụ	37.073.463	-	30.061.040	-
Chi phí SXKD dở dang	1.904.980.621	-	3.184.937.763	-
Thành phẩm	5.673.856.849	-	10.609.514.807	-
Cộng	24.601.855.398	-	22.878.440.017	(1.814.512)

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.814.512 VND là giá trị nguyên vật liệu hết hạn sử dụng đã được xuất hủy.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Các khoản thuế, phí khác	27.353.000	9.926.626	3.088.376	20.514.750
Cộng	27.353.000	9.926.626	3.088.376	20.514.750
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	429.983.581	1.566.500.458	1.996.484.039	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	679.894.751	4.335.760.433	4.398.021.814	617.633.370
Thuế thu nhập cá nhân	9.300.000	1.064.958.090	913.512.458	160.745.632
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	611.745.503	611.745.503	-
Cộng	1.119.178.332	7.578.964.484	7.919.763.814	778.379.002

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
Số 170 Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	22.289.175.270	31.298.199.915	3.415.436.139	211.753.856	3.765.059.808	60.979.624.988
- Mua trong năm	-	-	-	40.340.000	-	40.340.000
Số dư cuối năm	22.289.175.270	31.298.199.915	3.415.436.139	252.093.856	3.765.059.808	61.019.964.988
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	9.764.759.391	24.713.376.899	2.842.274.443	211.753.856	3.738.063.459	41.270.228.048
- Khấu hao trong năm	896.938.584	2.417.519.749	188.163.504	5.804.475	3.723.636	3.512.149.948
Số dư cuối năm	10.661.697.975	27.130.896.648	3.030.437.947	217.558.331	3.741.787.095	44.782.377.996
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	12.524.415.879	6.584.823.016	573.161.696	-	26.996.349	19.709.396.940
Tại ngày cuối năm	11.627.477.295	4.167.303.267	384.998.192	34.535.525	23.272.713	16.237.586.992

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 24.518.002.315 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 20.282.182.097 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	4.578.273.164	31.440.000	4.609.713.164
Số dư cuối năm	<u>4.578.273.164</u>	<u>31.440.000</u>	<u>4.609.713.164</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.545.770.154	31.440.000	1.577.210.154
- Khấu hao trong năm	95.380.692	-	95.380.692
Số dư cuối năm	<u>1.641.150.846</u>	<u>31.440.000</u>	<u>1.672.590.846</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>3.032.503.010</u>	-	<u>3.032.503.010</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.937.122.318</u>	-	<u>2.937.122.318</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 31.440.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 31.440.000 VND).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
- Công ty CP Bao bì ATP	874.929.060	874.929.060	-	-
- Công ty CP Dược và Trang thiết bị Y tế Phúc Thịnh	559.944.000	559.944.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Giang	-	-	88.807.200	88.807.200
- Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Minh Chiến	-	-	62.333.700	62.333.700
- Công ty TNHH Vinaepoxy Việt Nam	-	-	52.569.000	52.569.000
- Công ty TNHH Cơ khí Kim Nam Thịnh	-	-	40.700.000	40.700.000
- Các đối tượng khác	372.144.348	372.144.348	21.014.400	21.014.400
Cộng	<u>1.807.017.408</u>	<u>1.807.017.408</u>	<u>265.424.300</u>	<u>265.424.300</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tín Phong	240.171.677	280.955.280
Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành	9.689.061	36.112.253
Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Tùng	-	91.274.281
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinaplant	300.000.000	305.180.367
Các đối tượng khác	69.000.000	177.000.000
Cộng	618.860.738	890.522.181

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	34.801.060
Cổ tức phải trả	6.331.331.575	29.376.425
Các khoản phải trả khác	55.701.213	1.113.471.970
Cộng	6.387.032.788	1.177.649.455

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Quỹ dự phòng tiền lương (i)	1.600.000.000	1.600.000.000
Dự phòng sửa chữa tài sản (ii)	1.000.000.000	-
Cộng	2.600.000.000	1.600.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản dự phòng tiền lương phải trả thực hiện theo Biên bản họp hội đồng xét thưởng số 19A/BB-DHN ngày 29 tháng 12 năm 2023 được thông qua bởi Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng xét thưởng. Theo đó, Công ty thực hiện trích lập bổ sung quỹ dự phòng tiền lương tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 số tiền là 1.600.000.000 VND cho mục đích: Đảm bảo việc trả lương không bị gián đoạn, đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động của Công ty trong các tháng đầu năm 2024.
- (ii) Là khoản dự phòng về chi phí sửa chữa, thay thế phục vụ công tác thẩm định WHO – GMP nhà máy tại địa chỉ Lô số 15-1, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2026 theo kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được thông qua bởi Hội đồng Quản trị theo Biên bản số 93/BB-HĐQT ngày 15 tháng 4 năm 2023 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra ngày 06 tháng 06 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	62.909.000.000	2.586.780.000	700.000.000	3.600.000.000	7.033.094.216	76.828.874.216
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	12.885.893.561	12.885.893.561
Phân phối lợi nhuận	-	-	300.000.000	100.000.000	(8.807.260.000)	(8.407.260.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư đầu năm nay	62.909.000.000	2.586.780.000	1.000.000.000	3.700.000.000	10.611.727.777	80.807.507.777
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	15.355.876.732	15.355.876.732
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (iii)	-	-	-	-	(483.600.000)	(483.600.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	644.000.000	-	(644.000.000)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(387.000.000)	(387.000.000)
Cổ tức được chia năm 2022 (i)	-	-	-	-	(6.290.900.000)	(6.290.900.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2023 (ii)	-	-	-	-	(6.290.900.000)	(6.290.900.000)
Số dư cuối năm nay	62.909.000.000	2.586.780.000	1.644.000.000	3.700.000.000	11.871.204.509	82.710.984.509

Ghi chú:

- (i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 06 tháng 6 năm 2023, cụ thể như sau:
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 387.000.000 VND;
 - Trích quỹ đầu tư phát triển 644.000.000 VND; và
 - Cổ tức được chia của năm 2022 là 18%. Trong đó, Công ty đã tạm ứng cổ tức trong năm 2022 với tỷ lệ 8% bằng tiền mặt, và chi trả phần cổ tức còn lại năm 2022 là 10% bằng tiền mặt trong năm 2023 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- (ii) Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết số 103/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2023 thông qua việc cổ tức tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 10%. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm 2023, Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức này. Tuy nhiên, Công ty đã hoàn thành chi trả tạm ứng cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết 103/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2023 vào ngày 30 tháng 01 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (iii) Thường Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành 20% số lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2022 theo Tờ trình số 02/ĐHCĐ TN-2023 về Phê duyệt thù lao thực hiện năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023 của HĐQT và BKS ngày 16 tháng 05 năm 2023, được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06 tháng 06 năm 2023. Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022. Nguồn trích của khoản thưởng này sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong năm 2024.

Vốn điều lệ:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	25.163.600.000	40,00%	25.163.600.000	40,00%
Bà Đỗ Thị Nga	12.212.230.000	19,41%	12.212.230.000	19,41%
Bà Nguyễn Diệu Trinh	9.788.240.000	15,56%	9.788.240.000	15,56%
Ông Nguyễn Đức Thắng	6.062.220.000	9,64%	6.062.220.000	9,64%
Các cổ đông khác	9.682.710.000	15,39%	9.682.710.000	15,39%
Cộng	62.909.000.000	100,00%	62.909.000.000	100,00%

Tình hình phát hành cổ phiếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.290.900	6.290.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.290.900	6.290.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.290.900	6.290.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.290.900	6.290.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.290.900	6.290.900
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	87.770.255.205	86.411.650.121
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.740.465.191	2.193.065.677
Doanh thu khác	457.996.476	230.765.228
Cộng	89.968.716.872	88.835.481.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	55.315.090.678	55.794.848.508
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	618.583.753	960.012.690
Giá vốn khác	246.316.966	173.326.069
Cộng	56.179.991.397	56.928.187.267

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.660.941.273	49.712.205.481
Chi phí nhân công	17.440.332.252	15.477.512.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.607.530.640	3.756.944.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.395.113.336	2.621.275.111
Chi phí khác bằng tiền	1.927.408.057	2.270.891.348
Chi phí dự phòng	1.000.000.000	-
Cộng	68.031.325.558	73.838.828.833

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.944.890.452	1.227.822.203
Cộng	3.944.890.452	1.227.822.203

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	3.017.044.719	3.268.612.919
Chi phí khấu hao TSCĐ	254.725.440	254.725.440
Chi phí bằng tiền khác	750.793.755	482.718.740
Cộng	4.022.563.914	4.006.057.099
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	8.053.393.647	8.234.544.407
Chi phí đồ dùng văn phòng	870.910.499	1.102.286.375
Chi phí khấu hao TSCĐ	812.952.207	808.124.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.130.514.692	1.472.495.340
Chi phí bằng tiền khác	1.176.614.302	955.608.226
Chi phí dự phòng sửa chữa tài sản	1.000.000.000	-
Cộng	14.044.385.347	12.573.058.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	19.691.637.165	16.547.115.582
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.987.165.000	1.758.994.522
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.987.165.000</i>	<i>1.758.994.522</i>
Thu nhập chịu thuế	21.678.802.165	18.306.110.104
Thu nhập tính thuế	21.678.802.165	18.306.110.104
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.335.760.433	3.661.222.021

Ngoài các khoản chi phí không được trừ trên, Công ty tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể với cơ sở tính thuế. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.355.876.732	12.885.893.561
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.355.876.732	12.885.893.561
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.290.900	6.290.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.441	2.048

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

24. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại điều 7, Giấy chứng nhận đầu tư Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO số 19221000011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Phúc (sau này là thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2007 quy định về ưu đãi đầu tư mà Dự án đầu tư được hưởng, theo đó: Dự án đầu tư nêu trên thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm 5, phụ lục I (Dự án sản xuất thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế) và đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại điểm 55, phụ lục II của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ nên được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất 10% được áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Công ty đã áp dụng và tính nghĩa vụ thuế TNDN phải nộp hàng năm (giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2018) theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

Tuy nhiên, trong năm 2020, khi cơ quan thuế Thành phố Hà Nội kiểm tra quyết toán cho kỳ tính thuế năm 2019 đã xác định Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội không được hưởng ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận đầu tư số 19221000011 cấp lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2007. Cục thuế thành phố Hà Nội đã ra quyết định truy thu số ưu đãi thuế không được hưởng của năm 2019 và Công ty đã chấp hành nộp bổ sung theo quyết định của cơ quan thuế.

Hiện tại, Công ty tiếp tục làm việc với cơ quan thuế thành phố Hà Nội về các khoản ưu đãi thuế được hưởng của dự án theo Giấy chứng nhận đầu tư số 19221000011 cấp lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2007. Công ty sẽ thực hiện nghĩa vụ bổ sung (nếu có) sau khi nhận được quyết định cuối cùng của cơ quan chức năng về nội dung này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	40.471.368.730	16.198.181.176
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	82.710.984.509	80.807.507.777
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các Chính sách Kế toán chủ yếu

Chi tiết các Chính sách Kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.471.368.730	16.198.181.176
Phải thu khách hàng và phải thu khác	433.868.447	1.124.063.837
Các khoản đầu tư tài chính	13.236.448.381	25.000.000.000
Cộng	54.141.685.558	42.322.245.013
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	8.194.050.196	1.408.272.695
Cộng	8.194.050.196	1.408.272.695

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.471.368.730	-	40.471.368.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	433.868.447	-	433.868.447
Các khoản đầu tư tài chính	13.236.448.381	-	13.236.448.381
Cộng	54.141.685.558	-	54.141.685.558
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.194.050.196	-	8.194.050.196
Cộng	8.194.050.196	-	8.194.050.196
Chênh lệch thanh khoản thuần	45.947.635.362	-	45.947.635.362
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.198.181.176	-	16.198.181.176
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.124.063.837	-	1.124.063.837
Các khoản đầu tư tài chính	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Cộng	42.322.245.013	-	42.322.245.013
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.408.272.695	-	1.408.272.695
Cộng	1.408.272.695	-	1.408.272.695
Chênh lệch thanh khoản thuần	40.913.972.318	-	40.913.972.318

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài số dư và giao dịch với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh số 16; Công ty còn có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Thu nhập từ lương và thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
a) Hội đồng Quản trị		328.296.629	404.804.321
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2023)	120.791.011	117.489.119
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên	88.357.303	130.788.729
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	93.791.011	156.526.473
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên	12.678.652	-
Bà Nguyễn Thị Thom	Thành viên	12.678.652	-
b) Ban kiểm soát		147.070.873	166.788.729
Ông Ngô Hồng Minh	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023)	100.203.457	130.788.729
Bà Nguyễn Lan Hương	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên	10.867.416	-
c) Ban Tổng Giám đốc		2.204.750.949	1.662.135.234
Bà Phạm Thị Tuân	Tổng Giám đốc	1.292.671.947	1.068.612.156
Ông Bùi Hữu Việt	Phó Tổng Giám đốc	912.079.002	593.523.078
d) Kế toán trưởng		547.098.729	491.503.864
Ông Ngô Hồng Minh	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2023)	276.038.463	-
Bà Phạm Thị Minh Trang	Quyền Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2023)	271.060.266	491.503.864
Cộng		3.227.217.180	2.725.232.148

Thu nhập từ cổ tức được hưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên Hội đồng quản trị	2.198.201.400	1.709.712.200
Cộng		2.198.201.400	1.709.712.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Một số khoản mục, chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của kỳ báo cáo trước được trình bày lại như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Chỉ tiêu	Mã số	Số trước trình bày lại	Điều chỉnh số liệu chỉ tiêu	Số liệu sau trình bày lại
Phải trả người lao động	314	2.779.643.346	(1.600.000.000)	1.179.643.346
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	1.600.000.000	1.600.000.000



Phạm Thị Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngô Hồng Minh
Kế toán trưởng

Ngô Hồng Minh
Người lập

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024